TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện Krông Năng
Tỉnh Đăk Lăk

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2019
"*V/v: Ly hôn, nuôi con chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cảnh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam và ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-DS ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị M – sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn B – sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nông Thị M trình bày: Tôi với anh Hoàng Văn B kết hôn vào ngày 02/12/2015 tại UBND xã E, huyện K. Trong quá trình chung sống, chúng tôi hay xảy ra mâu thuẫn dù chưa chung sống được lâu nhưng chồng tôi thường hay lêu lổng, ham chơi, cờ bạc… Gia đình thường xuyên khuyên bảo nhưng anh vẫn không thay đổi và chúng tôi đã ly thân được 02 năm.

Nay tôi xét thấy tình cảm đã hết, cuộc sống chung không còn, hai người không thể quay lại được với nhau nên tôi đề nghị giải quyết để ly hôn.

Về con chung, có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc N – sinh ngày 10/3/2015. Hiện cháu N đang sống với anh B và tôi đồng ý giao cháu cho anh B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tài sản chung và nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt, gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn là anh Hoàng Văn B nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, chị Nông Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện cũng như các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ pháp luật và giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán điều khiển phiên tòa cũng như trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn ly hôn của chị Nông Thị M và cho chị M được ly hôn với anh Hoàng Văn B. Về con chung giao cháu Hoàng Thị Ngọc N - sinh ngày 10/3/2015 cho anh Hoàng Văn B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản và nợ thì các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được giải quyết theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 12/4/2019, Toà án nhân dân huyện Krông Năng nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị M về yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn B và trách nhiệm nuôi con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc N. Anh Hoàng Văn B có địa chỉ và cư trú tại thôn T - xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

[2]. Quan hệ pháp luật: Việc khởi kiện của chị Nông Thị M được xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con chung, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Hoàng Văn B mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục hợp lệ là tống đạt, gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]. Về nội dung vụ án.

[4.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn B yêu nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Văn B không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình nói chung cũng như hạnh phúc vợ chồng nói riêng. Bản thân chị Nông Thị M cũng như bố mẹ anh B đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thay đổi. Thực tế chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn B đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay.

Qua xác minh tại Chi hội Phụ nữ thôn T – xã E thì thấy hai người có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B ham chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình cũng như vợ, con. Hiện hai người đã sống ly thân với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại vì hai người đã sống ly thân với nhau và mục

đích của hôn nhân không đạt được. Xét nguyện vọng của chị M là mong muốn được ly hôn với anh B là có căn cứ nên cần chấp nhận để chị Nông Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

[4.2]. Về con chung: Cháu Hoàng Thị Ngọc N – sinh ngày 10/3/2015 hiện đang sống với anh Hoàng Văn B tại nhà bố mẹ của anh B. Chị Nông Thị M đồng ý giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, sau khi hai người ly thân thì chị M đã giao cháu N cho anh B, hiện cháu vẫn đang có cuộc sống tốt và để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như để đảm bảo sự phát triển tốt cho cháu, không bị xáo trộn nên cần giao cháu Hoàng Thị Ngọc N cho anh Hoàng Văn B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nông Thị M được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

[4.3]. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nông Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Ngọc N – sinh ngày 10/3/2015 cho anh Hoàng Văn B nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nông Thị M được quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không bị cản trở.

Việc giao con chỉ là tạm thời. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nông Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0010672 ngày 16/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

Đã ký

Trần Cảnh Toàn